

Kiên Giang, ngày 08 tháng 05 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty, đơn vị, các doanh nghiệp.

Trung tâm Khuyến nông được Sở Nông nghiệp và Môi trường Kiên Giang giao nhiệm vụ hoạt động chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật đến mọi nhà nông trong địa bàn tỉnh Kiên Giang, năm 2025 đơn vị đồng hành cùng nông dân thực hiện các chương trình, Dự án Khuyến nông làm cơ sở định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp cho tỉnh Kiên Giang.

Để thực hiện thành công các chương trình dự án, Trung tâm Khuyến nông đề nghị quý Công ty và đơn vị cung cấp báo giá một số vật tư, thiết bị và dịch vụ mà đơn vị đang kinh doanh để Trung tâm Khuyến nông có căn cứ thực hiện mua sắm cho **Chương trình phát triển các mô hình nuôi thủy sản kết hợp nâng cao năng suất và giá trị sản phẩm năm 2025** (phụ lục đính kèm).

Địa chỉ gửi báo giá: Trung tâm Khuyến nông Kiên Giang, 1224 Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, điện thoại 0836.307.456 (Quang Dự); Gmail: trandu991999@gmail.com

Rất mong được hợp tác từ các đơn vị./.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Vững



Phụ lục: Danh mục hàng hoá và yêu cầu kỹ thuật cơ bản
(Kèm theo Thư mời báo giá ngày / /2025 của Trung tâm Khuyến nông)

TT	Hạng mục	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Giống tôm càng xanh toàn đực	Có nguồn gốc rõ ràng, kích cỡ đồng đều, phụ bộ đầy đủ, không dị tật, dị hình, kích cỡ 11-13mm. Tỷ lệ đực $\geq 95\%$ và được cơ quan chức năng kiểm tra, xét nghiệm âm tính với các bệnh, đực cơ. Đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9389:2014. Phải có giấy kiểm dịch của cơ quan chức năng có thẩm quyền.	con	600.000
2	Tôm sú (tôm giống)	Tôm sú gia hóa. Có nguồn gốc rõ ràng (truy xuất nguồn gốc bố mẹ). Kích cỡ đồng đều, phụ bộ đầy đủ, râu thẳng, đuôi xòe, thân màu sáng xám, vỏ bóng mượt kích cỡ post ≥ 13 . Được cơ quan chức năng kiểm tra, xét nghiệm âm tính bệnh MBV, bệnh đốm trắng, bệnh đầu vàng. Đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia QCVN 02 - 34 - 1: 2021 về tôm sú giống. Phải có giấy kiểm dịch của cơ quan chức năng có thẩm quyền	con	1.200.000
3	Cua giống	Có nguồn gốc rõ ràng, kích cỡ đồng đều, phụ bộ đầy đủ, không dị tật, dị hình. Cỡ giống chiều dài mai $\geq 0,5$ cm/con, tỉ lệ ngoại cỡ $\leq 5\%$ Đáp ứng về định mức kinh tế kỹ thuật theo quy định tại Quyết định số 102/QĐ-TCTS-KHCN&HTQT ngày 14/02/2019 của Tổng cục Thủy sản.	con	80.000
4	Lúa giống (ST25 xác nhận)	Lúa giống đạt Quy Chuẩn QCVN 01-54:2011. Hạt giống lúa nguồn gốc rõ ràng, cấp xác nhận 1 hoặc tương đương; phải đảm bảo chất lượng và chỉ tiêu kỹ thuật đáp ứng các chỉ tiêu của lúa giống. Bao bì còn nguyên vẹn, có in nhãn mác của nơi sản xuất. Có phiếu kiểm nghiệm chất lượng trong từng lô hoặc bao lúa; đảm bảo còn hạn sử dụng	kg	3.000



TT	Hạng mục	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
5	Thức ăn tôm càng xanh GD nuôi	Không có chứa các chất cấm trong NTTS. Đạm thô $\geq 30\%$, chuyên dùng cho tôm càng xanh. Bao bì nguyên vẹn. Hàng hóa cung cấp đảm bảo còn hơn 2/3 thời hạn sử dụng. Đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia TCN 187:2004.	kg	12.660
6	Thức ăn tôm sú giai đoạn nuôi	Không chứa các chất cấm trong NTTS. Đạm thô $\geq 42\%$ chuyên dùng cho tôm sú. Bao bì nguyên vẹn, hàng hóa cung cấp đảm bảo còn hơn 2/3 thời hạn sử dụng. Đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9964:2014	kg	8.645
7	Phân hữu cơ sinh học	Sản phẩm đáp ứng theo QCVN 01-189:2019/BNNPTNT: Hàm lượng chất hữu cơ $\geq 15\%$; hàm lượng axit humic $\geq 2\%$ hoặc tổng hàm lượng axit humic, axit fulvic $\geq 2\%$; bao bì có in nhãn mác của nơi sản xuất; hạn sử dụng, liều lượng còn 2/3 thời hạn sử dụng kể từ ngày sản xuất; Sản phẩm được phép lưu hành tại Việt Nam theo đúng quy định. Sản phẩm sử dụng cho cây lúa.	kg	18.000
8	Chế phẩm vi sinh (đáp ứng yêu cầu chứng nhận ASC)	- Đáp ứng Quy chuẩn Việt Nam QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT. - Thành phần vi sinh vật: có chứa ít nhất chủng vi khuẩn có lợi <i>Bacillus sp</i> ; giúp phân huỷ chất hữu cơ, kiểm soát vi khuẩn gây bệnh, giảm khí độc (NH_3 , NO_3^- , H_2S). - Thành phần mỗi loài vi sinh vật sống có ích trong sản phẩm $\geq 10^6$ CFU/g. - An toàn sinh học: không chứa vi sinh vật gây bệnh, kim loại nặng, chất kháng sinh hoặc chất cấm. - Hàng hóa cung cấp còn hơn 2/3 thời gian sử dụng. Đảm bảo vi khuẩn có lợi vẫn còn hiệu lực trong suốt thời gian bảo quản.	lít	2.000

TT	Hạng mục	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
9	Chế phẩm vi sinh	- Đáp ứng Quy chuẩn Việt Nam QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT. - Thành phần vi sinh vật: có chứa ít nhất chủng vi khuẩn có lợi <i>Bacillus sp</i>; giúp phân hủy chất hữu cơ, kiểm soát vi khuẩn gây bệnh, giảm khí độc (NH_3, NO_3^-, H_2S). - Thành phần mỗi loài vi sinh vật sống có ích trong sản phẩm $\geq 10^6$ CFU/g. - An toàn sinh học: không chứa vi sinh vật gây bệnh, kim loại nặng, chất kháng sinh hoặc chất cấm. - Hàng hóa cung cấp còn hơn 2/3 thời gian sử dụng. Đảm bảo vi khuẩn có lợi vẫn còn hiệu lực trong suốt thời gian bảo quản.	lít	210
10	Test pH	- Bộ test chuyên dùng để kiểm tra độ pH trong môi trường nước. - Dải đo khoảng từ 4,5-9,0. - Mỗi bộ thực hiện ≥ 80 lần kiểm tra. - Mỗi bộ gồm có: 1 chai dung dịch thuốc thử, 1 ống nghiệm, 1 bảng màu đo giá trị. - Hàng hóa cung cấp còn hơn 2/3 thời gian sử dụng.	Bộ	71
11	Test KH	- Bộ test chuyên dùng để kiểm tra độ kiềm trong môi trường nước. - Mỗi bộ thực hiện ≥ 80 lần kiểm tra. - Mỗi bộ gồm có: 1 chai dung dịch thuốc thử, 1 ống nghiệm. - Hàng hóa cung cấp còn hơn 2/3 thời gian sử dụng.	Bộ	71
12	Test Oxy	- Bộ test chuyên dùng để kiểm tra nồng độ oxy trong môi trường nước. - Dải đo khoảng từ 0,5 - 8 mg/l. - Mỗi bộ thực hiện ≥ 60 lần kiểm tra. - Mỗi bộ gồm có: 2 chai dung dịch thuốc thử, 1 ống nghiệm, 1 bảng màu đo giá trị. - Hàng hóa cung cấp còn hơn 2/3 thời gian sử dụng.	Bộ	71

TT	Hạng mục	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
13	Ổng đo độ mặn	Tỷ trọng kế đo độ mặn, còn nguyên vẹn, xác định độ mặn đến 40‰. Hàng hóa cung cấp đảm bảo còn trên 2/3 thời hạn sử dụng. Độ chính xác $\pm 2\%$	Ổng	71
14	Bảng cắm nhỏ	- Kích thước: 90cm x 120cm. - Chất liệu: Nền bạt Hiflex. - Nội dung in kỹ thuật số trên 1 mặt. - Khung bằng sắt mạ kẽm vuông 20, dày ≥ 1 mm.	Cái	61
15	Bảng cắm lớn	Bảng cắm lớn (2m x 1,5m x 2 mặt, khung kẽm vuông 25 ly2, Bạt in kỹ thuật số, viền nhôm V20, Trụ phi 76, chôn chân 0,5m, Cát, đá, xi măng vận chuyển đi cắm	Cái	3

* Ghi chú:

- Báo giá bao gồm thuế GTGT và chi phí vận chuyển đến địa điểm triển khai mô hình hoặc đến Trung tâm Khuyến nông Kiên Giang.
- Thời hạn nhận báo giá đến ngày



BÁO GIÁ

Ngày: _ (Điền ngày tháng năm ký báo giá)

Kính gửi: Trung tâm Khuyến nông Kiên Giang

Sau khi nhận được Thư mời báo giá của quý đơn vị, chúng tôi, _ (*ghi tên nhà cung cấp*), có địa chỉ tại _ (*Ghi địa chỉ nhà cung cấp*), xin gửi bảng báo giá sản phẩm theo yêu cầu của quý đơn vị như sau:

TT	Danh mục hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng						

- Giá trên đã bao gồm thuế GTGT và chi phí vận chuyển đến địa điểm triển khai mô hình hoặc đến Trung tâm Khuyến nông Kiên Giang.
- Báo giá có giá trị từ ngày

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*)